

Số: 2996/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 04 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung kinh phí cho UBND huyện Nam Trà My để thực hiện
chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP,
Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP
của Chính phủ (bổ sung đợt II năm 2022)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế; Thông tư số 117/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2019/TT-BTC;

Căn cứ Công văn số 4126/BNV-TGBC ngày 24/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách tỉnh giảm biên chế (bổ sung đợt II năm 2022);

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 568/TTr-STC ngày 25/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp cho UBND huyện Nam Trà My, số tiền: **76.473.000 đồng** (Bảy mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn đồng) từ nguồn cải cách tiền lương năm 2022 của ngân sách tỉnh, để chi trả các chế độ thực hiện chính sách tỉnh giảm biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ cho 01 trường hợp thuộc khối huyện, như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. UBND huyện Nam Trà My quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích; chi trả kinh phí đảm bảo đúng đối tượng, chế độ và thực hiện thanh, quyết toán theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí; hướng dẫn UBND huyện Nam Trà My thực hiện thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Nam Trà My và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các PVP;
- Lưu: VT, NC-KS, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Signature)
Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục
(Kèm theo Quyết định số 2996 /QĐ-UBND ngày 04 /11/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết TGBC		Thời điểm tính giảm biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Ghi chú
						Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên	Năm	Tháng		Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Nguồn dự toán ngân sách được giao hằng năm hoặc nguồn thu của đơn vị	NSNN cấp	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15
	TỔNG CỘNG														90.777	14.304	76.473	
I	Huyện Nam Trà My														90.777	14.304	76.473	
1	Trần Vĩnh Thor	06/01/1983	Phó Chủ tịch UBND xã Trà Cang	4.768	4.248	12 năm 01 tháng		39	9	01/11/2022			x		90.777	14.304	76.473	